

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/8/2020

**V/v: *Ly hôn và nuôi con***

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Lâm Thị Bích Thủy

2/ Ông Quách Tử Diệc

**Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ** không tham gia phiên tòa .

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 190/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, về việc: “ *Ly hôn và nuôi con* ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị Sa N**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp S, xã H, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh **Trịnh Công L**, sinh năm 1980 (vắng mặt lần 2)

Địa chỉ: số 130A, tổ 13, ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2020 nguyên đơn chị Thạch Thị Sa N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết sau đó cả hai tổ chức đám cưới, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Trà Vinh, được Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/5/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn được 07 năm, Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, anh L không lo cho gia đình, cờ bạc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, đến tháng 8/2019 cả hai trở về quê, chị Sa N về Trà Vinh, anh L về nhà Phú Đức ở. cả hai ly thân từ đó cho đến nay không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau. Nay chị Thạch Thị Sa N nhận

thấy không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Công L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Thành Đ, sinh ngày 25/5/2012, hiện tại chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần cho anh Trịnh Công L, người nhà có nhận thay cho anh L đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh L không đến, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Nguyên đơn chị Thạch Thị Sa N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Công L, vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng có cự cãi, anh L không lo làm ăn, dẫn đến chị N phải về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Về con chung: có 01 con chung tên Trịnh Thành Đ, sinh ngày 25/5/2012, hiện nay chị nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và về nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Công L vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Anh Trịnh Công L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đến Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có người nhà nhận cam kết giao cho anh L, đến ngày làm việc anh L không đến và không gửi bản khai ý kiến gì về việc chị N yêu cầu ly hôn và nuôi con, chị N cho rằng anh L có biết chị kiện ra Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Trịnh Công L.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Sa N và anh Trịnh Công L tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, cả hai tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Trà Vinh, được Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/5/2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn, do vợ chồng thường cự cãi nhau, anh L không lo lắng cho chị, dẫn đến chị dắt con về nhà ở Cầu Ngang sinh sống cho đến nay. Chị khai anh L biết Tòa án triệu tập đến Tòa án giải quyết, nhưng anh nói tự chị giải quyết đi. Xét hôn nhân giữa chị Thạch Thị Sa N và anh Trịnh Công L đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đã không còn sống chung, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận cho chị Thạch Thị Sa N được

ly hôn anh Trịnh Công L là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về nuôi con chung: Chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trịnh Thành Đ, sinh ngày 25/5/2012, từ khi chị N về nhà anh L không đến thăm con. Tại bản ghi ý kiến của cháu Được nêu cha mẹ ly hôn con muốn sống với mẹ. Xét hiện nay cháu Trịnh Thành Đ đang sống ổn định với chị N cũng là nguyện vọng của cháu muốn ở với chị N, vì vậy chấp nhận giao cháu Trịnh Thành Đ, sinh ngày 25/5/2012 cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Anh Trịnh Công L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh L thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị Sa N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Sa N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Sa N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Sa N được ly hôn với anh Trịnh Công L.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thành Đ, sinh ngày 25/5/2012 cho chị Thạch Thị Sa N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Trịnh Công L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh L thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu

Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị Sa N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Sa N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Thạch Thị Sa N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005744 ngày 11/5/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị Sa N đã nộp xong, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, Nêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

**Võ Thị Hồng Diệp**

